TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI NAM **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**

THÀNH PHỐ HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2022/ KDTM -ST

Ngày: 03/08/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: *Ông Quách Mạnh Thành***.**

Các hội thẩm nhân dân: *Ông Nguyễn Việt Anh*

Ông Nguyễn Sơn Hóa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: *Bà Đặng Thị Thanh Hoa* - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: *Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh*- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 42/2020/TLST- KDTM ngày 03 tháng 07 năm 2020 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 27 /2020/QĐXX - KDTM ngày 11 tháng 07 năm 2022, giữa các đ- ơng sự:

-Ngân hàng N

Trụ sở: Số 2. LH, phường TC, Ba Đình, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T1- Tổng giám đốc

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D1- giám đốc chi nhánh LH.

Đại diện ủy quyền lại : Ông Phạm Văn H1 – Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Bank –Chi nhánh LH (theo giấy ủy quyền số 288/QĐ-NHNo.LH-KTKSNB ngày 24.9.2021)

- Công ty Li

Trụ sở: Số 52 LN, phường MĐ , quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: 1. Ông Ngô Anh Th1- Tổng giám đốc;

2. Ông Phạm Doãn Ch1- Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Xuân H2- Trưởng phòng Tổ chức hành chính(Theo giấy ủy quyền số 18/CT ngày 08.7.2022)

(*Tại phiên tòa, Có mặt đại diện ủy quyền của ngân hàng nông nghiệp phát triển*

nông thôn là ông Phạm Văn H1, có mặt ông Phạm Xuân H2 là đại diện ủy quyền của bị đơn là công ty Li.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/06/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng N(BANK) là ông Phạm Văn H1 trình bày: Công ty Li có quan hệ tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh LH (Sau đây gọi là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nội dung cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, số hợp đồng tín dụng quản lý trên hệ thống IPCAS của Ngân hàng là: 1400LAV200900451.

- Hạn mức tín dụng tối đa: 150.000.000.000 đồng. Tổng số tiền cho vay: 145.191.970.969 đồng. Thời hạn cho vay: 15 năm. Ngày đến hạn: 25/06/2024. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng "Văn phòng làm việc, Trung tâm thương mại và nhà ở hỗn hợp" tại 52 LN, Hà Nội. Bao gồm cả chi phí lãi vay đối với các khoản đã giải ngân trong thời gian thi công mà Bên cho vay nhập vào dư nợ gốc.Lãi suất cho vay ban đầu: 17.5%/năm.

- Bank Chi nhánh LH đã giải ngân và thu nợ đối với Công ty Li như sau:

TT	Số Hợp đồng	Số giải ngân	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân	Số tiền gốc đã thanh toán	Số tiền lãi đã thanh toán	Dư nợ hiện tại
1	1400LAV200900451	1400LDS200900696	30/03/2009	1,831,221,000	1,831,221,000	618,042,006	-
2	1400LAV200900451	1400LDS200901119	19/05/2009	1,616,015,382	1,616,015,382	540,782,030	
3	1400LAV200900451	1400LDS200901213	28/05/2009	523,419,292	523,419,292	179,033,727	
4	1400LAV200900451	1400LDS200901227	29/05/2009	3,562,500,000	3,562,500,000	1.181.577.639	
5	1400LAV200900451	1400LDS200901535	29/06/2009	98,433,181	98,433,181	32,858,801	
6	1400LAV200900451	1400LDS200901633	09/07/2009	288,834,000	288,834,000	95,575,654	
7	1400LAV200900451	1400LDS200901743	23/07/2009	835,983,000	835,983,000	273,214,570	
8	1400LAV200900451	1400LDS200901954	17/08/2009	1,730,395,000	1,730,395,000	570,209,708	
9	1400LAV200900451	1400LDS200901969	18/08/2009	487,000,000	487,000,000	155,467,445	
10	1400LAV200900451	1400LDS200902173	10/09/2009	1,885,327,169	1,884,327,169	733,647,527	1,000,000
11	1400LAV200900451	1400LDS200902333	28/09/2009	261,724,659	223,672,831	113,039,317	38,051,828
12	1400LAV200900451	1400LDS200902334	28/09/2009	1,029,000,000	659,222,907	444,426,815	369,777,093
13	1400LAV200900451	1400LDS200902468	15/10/2009	1,428,400,696	1,270,000,000	483,057,820	158,400,696

14	1400LAV200900451	1400LDS200902559	28/10/2009	1,402,051,562		593,280,458	1,402,051,562
15	1400LAV200900451	1400LDS200902561	28/10/2009	339,402,545		143,618,753	339,402,545
16	1400LAV200900451	1400LDS200902935	10/12/2009	1,008,448,022		413,700,676	1,008,448,022
17	1400LAV200900451	1400LDS200903017	30/12/2009	4,109,117,175		1,658,309,568	4,109,117,175
18	1400LAV200900451	1400LDS201000033	08/01/2010	3,723,629,175		1,491,567,932	3,723,629,175
19	1400LAV200900451	1400LDS201000088	19/01/2010	3,023,310,440		1,199,956,956	3,023,310,440
20	1400LAV200900451	1400LDS201000241	08/02/2010	1,000,000,000		390,234,999	1,000,000,000
21	1400LAV200900451	1400LDS201000258	10/02/2010	5,250,312,000		2,015,166,001	5,250,312,000
22	1400LAV200900451	1400LDS201000314	25/02/2010	3,000,000,000		1,153,705,000	3,000,000,000
23	1400LAV200900451	1400LDS201000378	10/03/2010	3,529,182,000		1,341,918,519	3,529,182,000
24	1400LAV200900451	1400LDS201000428	18/03/2010	4,337,378,900		1,637,656,923	4,337,378,900
25	1400LAV200900451	1400LDS201000481	26/03/2010	969,233,123		363,367,113	969,233,123
26	1400LAV200900451	1400LDS201000482	26/03/2010	634,167,797		237,750,564	634,167,797
27	1400LAV200900451	1400LDS201000504	30/03/2010	6,444,311,000		2,405,965,611	6,444,311,000
28	1400LAV200900451	1400LDS201000731	27/04/2010	8,256,938,654		2,992,860,445	8,256,938,654
29	1400LAV200900451	1400LDS201001009	31/05/2010	6,797,907,000		2,374,193,567	6,797,907,000
30	1400LAV200900451	1400LDS201001177	24/06/2010	3,124,986,000		1,062,266,077	3,124,986,000
31	1400LAV200900451	1400LDS201001197	28/06/2010	2,253,084,090		762,317,859	2,253,084,090
32	1400LAV200900451	1400LDS201001206	30/06/2010	2,500,000,000		843,777,085	2,500,000,000
33	1400LAV200900451	1400LDS201001343	20/07/2010	3,500,000,000		1,152,121,250	3,500,000,000
34	1400LAV200900451	1400LDS201001370	27/07/2010	2,192,258,000		715,247,923	2,192,258,000
35	1400LAV200900451	1400LDS201001453	09/08/2010	4,000,000,000		1,283,376,666	4,000,000,000
36	1400LAV200900451	1400LDS201001543	23/08/2010	4,000,000,000		1,260,155,556	4,000,000,000
37	1400LAV200900451	1400LDS201001544	23/08/2010	2,500,000,000		787,597,224	2,500,000,000

38	1400LAV200900451	1400LDS201001656	14/09/2010	2,246,517,000		687,147,150	2,246,517,000
39	1400LAV200900451	1400LDS201001703	21/09/2010	1,500,000,000		454,433,334	1,500,000,000
40	1400LAV200900451	1400LDS201001704	21/09/2010	232,873,000		70,550,171	232,873,000
41	1400LAV200900451	1400LDS201001746	27/09/2010	3,715,796,000		1,116,462,517	3,715,796,000
42	1400LAV200900451	1400LDS201001758	28/09/2010	3,261,493,013		978,629,098	3,261,493,013
43	1400LAV200900451	1400LDS201001808	05/10/2010	4,000,000,000		1,188,788,889	4,000,000,000
44	1400LAV200900451	1400LDS201001905	19/10/2010	244,207,000		71,181,592	244,207,000
45	1400LAV200900451	1400LDS201001929	21/10/2010	201,507,476		58,545,757	201,507,476
46	1400LAV200900451	1400LDS201001937	22/10/2010	225,104,961		65,337,966	225,104,961
47	1400LAV200900451	1400LDS201002113	15/11/2010	7,624,626,600		2,138,305,349	7,624,626,600
48	1400LAV200900451	1400LDS201002385	09/12/2010	3,952,909,000		1,069,843,842	3,952,909,000
49	1400LAV200900451	1400LDS201100003	04/01/2011	4,258,830,000		1,082,440,796	4,258,830,000
50	1400LAV200900451	1400LDS201100038	10/01/2011	4,485,472,000		1,129,578,906	4,485,472,000
51	1400LAV200900451	1400LDS201100194	27/01/2011	5,000,000,000		1,224,444,445	5,000,000,000
52	1400LAV200900451	1400LDS201100216	29/01/2011	5,140,870,000		1,254,743,567	5,140,870,000
53	1400LAV200900451	1400LDS201100590	07/04/2011	5,627,794,057	3,333,176,461	1,022,911,224	2,294,617,596
Tổng cộng				**145,191,970,969**	**18,344,200,223**	**47,314,390,387**	**126,847,770,746**

- Công ty Li đã trả nợ:

+ Số tiền gốc đã trả: 18.344.200.223 đồng *(Bằng chữ: Mười tám tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng).*

+ Số tiền lãi đã trả: 47.314.390.387 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, ba trăm mười bốn triệu, ba trăm chín mươi nghìn, ba trăm tám mươi bảy đồng).*

- Ngày 26/06/2012, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 15.0%/năm áp dụng kể từ ngày 26/06/2012 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/09/2012, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 14.0%/năm áp dụng kể từ ngày 26/09/2012 theo quy định của Bank.

- Ngày 27/01/2013, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 13.0%/năm áp dụng kể từ ngày 27/01/2013 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/03/2013, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 11.5%/năm áp dụng kể từ ngày 26/03/2013 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/03/2014, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 11.0%/năm áp dụng kể từ ngày 26/03/2014 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/06/2014, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.5%/năm áp dụng kể từ ngày 26/06/2014 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/12/2014, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.0%/năm áp dụng kể từ ngày 26/12/2014 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/09/2016, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.2%/năm áp dụng kể từ ngày 26/09/2016 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/12/2016, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.5%/năm áp dụng kể từ ngày 26/12/2016 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/06/2017, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.0%/năm áp dụng kể từ ngày 26/06/2017 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/09/2017, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.3%/năm áp dụng kể từ ngày 26/09/2017 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/06/2018, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.2%/năm áp dụng kể từ ngày 26/06/2018 theo quy định của Bank.

- Ngày 26/09/2018, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay: 10.3%/năm áp dụng kể từ ngày 26/09/2018 theo quy định của Bank.

Biện pháp bảo đảm

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ khu văn phòng và khu dịch vụ trung tâm thương mại từ tầng 01 đến tầng 03 của toà nhà 27 tầng, phần liên kết giữa hai toà nhà, tầng 1 đến tầng 5 toà nhà 18 tầng thuộc dự án văn phòng làm việc, Trung tâm Thương mại và nhà ở hỗn hợp tại địa chỉ: Số 52 Đường LN, phường MĐ, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
- Chủ sở hữu tài sản: Công ty Li.
- Địa chỉ nơi có tài sản bảo đảm: số 52 Đường LN, phường MĐ, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
- Thủ tục bảo đảm tiền vay:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1020/2012, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/09/2012 do Văn phòng Công chứng Bảo Minh, Thành phố Hà Nội công chứng.

+ Đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn đăng ký số đơn 1145867024 ngày 25/06/2013 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội.

Việc vi phạm nghĩa vụ

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty Li đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng kể từ ngày 26/06/2012, đã phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty Li thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng trên, nhưng Công ty Li vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bank, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Bank.

Tính đến ngày 31/05/2020, Công ty Li còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng tổng số tiền là: 239.884.857.025 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm ba mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng./.*). Trong đó:

- Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng.
- Nợ lãi tạm tính: 113.037.086.279 đồng. Trong đó:

+ Lãi trong hạn là: 111.120.554.652 đồng

+ Lãi quá hạn là: 1.916.531.627 đồng.

II – YÊU CẦU KHỞI KIỆN

Căn cứ các nội dung nêu trên, Bank thông qua Bank Chi nhánh LH đề nghị Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Tuyên buộc Công ty Li phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bank toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 31/05/2020 là: 239.884.857.025 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm ba mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng./.*). Trong đó:

- Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng.
- Nợ lãi tạm tính: 113.037.086.279 đồng. Trong đó:

+ Lãi trong hạn là: 111.120.554.652 đồng

+ Lãi quá hạn là: 1.916.531.627 đồng.

2. Tuyên buộc Công ty Li phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009 cho đến khi Công ty Li tất toán khoản vay cho Bank Chi nhánh LH.

3. Tuyên nếu Công ty Li không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Bank thông qua Bank Chi nhánh LH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty Li theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1020/2012, quyển số 10 TP /CC-SCC/HĐGD ký ngày 11/09/2012 do Văn phòng Công chứng Bảo Minh, Thành phố Hà Nội công chứng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Bank thì Bank thông qua Bank Chi nhánh LH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Li, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, Trong bất cứ trường hợp nào, Công ty Li vẫn phải tiếp tục thực hiện trả nợ gốc, lãi cho đến khi tất toán khoản vay.

***** *Tại các bản tự khai và các văn bản tố tụng có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa bị đơn là Công ty CP Li - Đại diện ủy quyền là ông Phạm Xuân H2 trình bày :*

Ngày 16/03/2009 Công ty Cp Liama Hà Nội có ký hợp đồng tín dụng số 01/2009 LMHN/HĐTĐH với ngân hàng N- chi nhánh LH vay vốn thực hiện Dự án " Văn phòng làm việc, trung tâm thương mại và nhà ở hỗn hợp" thuộc Công ty Li

làm chủ đầu tư. Heieenj tại, Công ty còn nợ một phần gốc và lãi của đồng tín dụng số 01/2009 LMHN/HĐTĐH. Lý do nợ, vì quá trình thực hiện Dự án, Công ty Li đã 05 lần thay đổi người đại diện theo pháp luật, việc thay đổi cùng với thiếu nguồn vốn nên Dự án chậm tiến độ. Hiện tại dự án vẫn chưa xong hạn mục Phòng cháy chữa cháy nên chưa bàn giao chính thức được cho khách hàng nên một số khách hàng chưa đóng đến 95% giá trị mua nhà. Mặt khác, Công ty Li trong những năm gần đây hoạt động kinh doanh yếu kém và gần như Công ty gần như dừng lại toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nợ đọng thuế quá lớn dẫn đến bị cưỡng chế hóa đơn tài chính, lỗ lũy kế hơn 600 tỷ, nợ phải trả 1.303 tỷ, âm vốn chủ sở hữu 642 tỷ đồng, nợ lương người lao động, nợ bả hiểm xã hội... Công ty mất cân đối nghiêm trọng về mặt tài chính, không thể thu xếp nguồn vốn cũng như tiếp cận vốn tại các tổ chức tín dụng để phục vụ sản xuất knh doanh và để hoàn thiện Dự án tổ hợp trung tâm thương mại và nhà ở 52 LN.Tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2022 Phạm Xuân H2 đại diện ủy quyền của bị đơn là Công ty Li trình bày*:* Đại diện nguyên đơn yêu cầu công ty chúng tôi thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2022 là 189.952.591.161 đồng. Trong đó nợ gốc: 126.847.770.746 đồng, nợ lãi tạm tính: 63.104.820.415 đồng (lãi trong hạn: 63.104.820.415 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng).Công ty chúng tôi đồng ý và không có ý kiến gì. Hiện công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chúng tôi không có lộ trình thanh toán. Đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để chúng tôi có thời gian cân đối tài chính. Đối với việc xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay, tôi sẽ về báo cáo Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo công ty.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Ngày 18/01/2021 Tòa án quận Hoàng Mai đã tiến hành xem xét thẩm định, hiện trạng toàn bộ tài sản thế chấp tại số 52 LN, phường MĐ, Hoàng Mai, Hà Nội (tài sản thế chấp đã được hình thành) cụ thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là toàn bộ khu văn phòng và khu dịch vụ trung tâm thương mại từ tầng 01 đến tầng 03 của tòa nhà 27 tầng, phần liên kết giữa hai tòa nhà , từ tầng 01 đến tầng 05 của tòa nhà 18 tầng. Do dự án vẫn chưa xong hạn mục Phòng cháy chữa cháy nên chưa được nghiệm thu công trình. Ủy ban nhân dân phường MĐ đã có công văn số 392 ngày 30/12/2020 v/v yêu cầu Công ty Cp Li "1. *Yêu cầu chủ đầu tư Công ty Cp Li chấm dứt mọi hoạt động tại dự án đặc biệt hoạt động kinh doanh tại các tầng thương mại* ...." . Công ty Li có công văn số 02 v/v thực hiện công văn số 392 ngày 30/12 của Ủy ban nhân dân phường MĐ gửi các Công ty thuê tầng tầng thương mại tại dự án 52 LN, có văn số 03 v/v phúc đáp công văn số 392/UBND ngày 11.1.2021,Tòa án quận Hoàng Mai đã tiến hành xác minh tại Công an phường MĐ, Hoàng Mai, Hà Nội được biết hiện nay tại toàn bộ khu văn phòng và khu dịch vụ trung tâm thương mại từ tầng 01 đến tầng 03 của tòa nhà 27 tầng, phần liên kết giữa hai tòa nhà , từ tầng 01 đến tầng 05 của tòa nhà 18 tầng, địa chỉ : số 52 LN, phường MĐ , Hoàng Mai, Hà Nội hiện không có ai cư trú, sinh sống, ăn ở ổn định tại địa chỉ trên. Do vậy, không Tòa xác định không có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện nguyên đơn trình vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng Bank yêu cầu Tòa án buộc Công ty Li phải thanh toán cho Bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 02/08/2022, Công ty Li còn nợ theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng tổng số tiền là: 272.183.446.126 đồng (Bằng chữ: *Hai trăm bảy mươi hai tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng*). Trong đó:

- Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng.
- Nợ lãi tạm tính: 145.335.675.380 đồng. Trong đó:

+ Lãi trong hạn là: 139.900.552.059 đồng.

+ Lãi quá hạn là: 5.435.123.320 đồng.

Nhằm tạo điều kiện giảm bớt khó khăn cho khách hàng, khuyến khích khách hàng trả nợ, Bank Chi nhánh LH áp dụng điều chỉnh giảm lãi suất cho Công ty Li như sau:

- Lãi suất cho vay sau điều chỉnh:

+ Lãi suất trong hạn: 4,86%/năm

+ Lãi suất quá hạn: 0%/năm

- Thời gian áp dụng: kể từ ngày giải ngân đối với thời gian chưa thu lãi của từng khoản vay đến ngày tất toán.

Theo đó, nợ lãi của Công ty Li tính đến hết ngày 02/08/2022 giảm còn 63.498.682.743 đồng. Tổng dư nợ gốc và lãi là: **190.346.453.489 đồng(** *một trăn chín mươi tỉ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*). Đề nghị Công ty Li tiếp tục trả nợ gốc lãi theo lãi suất sau điều chỉnh nêu trên.

Tại phiên tòa, ông H2 đại diện cho bị đơn trình bày Công ty chúng tôi đồng ý và không có ý kiến gì. Hiện công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chúng tôi không có lộ trình thanh toán.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định tại điều 195, điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tung theo quy định tại điều 177, điều 1178,179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thời hạn xét xử chưa đúng quy định của pháp luật nhưng vụ án có nhiều người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không kiến nghị.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Nguyên đơn thực hiện đúng theo điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đúng theo điều 70, điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản (đã được hình thành) và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (Bank), buộc Công ty Li có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng N (bank)toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi như Ngân hàng N (Bank) yêu cầu. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật Công ty Li không thanh toán khoản tiền nợ nêu trên Ngân hàng N (Bank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gốc, nợ lãi.

-Án phí : Do yêu cầu của Ngân hàng N (Bank) được chấp nhận nên Ngân hàng N (Bank)không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án Ngân hàng N (Bank). Công ty Li phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về Tố tụng***:

1.1.***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***: đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N (Bank) với Công ty Li, là doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp, là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. ***Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án***: Công ty Li hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 0100105341, đăng ký lần đầu ngày 06/6/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/7/2019; có trụ sở chính tại: Số 52, đường LN, phường MĐ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. ***Về thời hiệu khởi kiện:*** Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Công ty Li không thanh toán được vốn vay cho Ngân hàng N (Bank). sau khi đến hạn trả. Sau khi Công ty Li vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N (Bank) đã gia hạn số tiền trả nợ gốc và nợ lãi đối với các hợp đồng tín dụng đã ký kết .

Tuy nhiên, hết thời hạn gia hạn trả nợ Công ty Li vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng N (Bank) mặc Ngân hàng N (Bank).đã nhiều lần có các thông báo nhắc nợ và biên bản làm việc đối với Công ty Li.

Ngày 16.6.2020, Ngân hàng N (Bank) đã nộp Đơn khởi kiện Công ty Li tại Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng N (Bank) và Công ty Li là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngân hàng N (Bank) và Công ty Li xác lập quan hệ tín dụng thông qua Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ ngày 30/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 24/12/2014 Ngân hàng N (Bank) đã giải ngân cho Công ty Li thông qua các giấy nhận nợ.Về chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng và các gấy vay nợ trên là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N (Bank) và Công ty Li.

Ngân hàng N (Bank) và Công ty Li đã giao kết 01 hợp đồng tín dụng, 03 phụ lục hợp đồng, 42 giấy nhận nợ. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

[2.2] *Xét yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc của Ngân hàng N (Bank) đối với Công ty Li.*

Ngân hàng N (Bank) đã giải ngân cho Công ty Li tín dụng Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ ngày 30/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 24/12/2014 và các giấy nhận nợ kèm theo, tổng số tiền là 145.191.970.969VNĐ (một trăm bốn mươi năm tỷ một trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng).

Công ty Li đã trả nợ số tiền gốc đã trả: 18.344.200.223 đồng

Còn lại nợ gốc: **126.847.770.746** đồng(*Một trăm hai mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng)*

Quá trình thực hiện hợp đồng, do làm ăn khó khăn nên Công ty Li đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N (Bank) kể từ ngày 26/06/2012

Do Công ty Li vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 9 tại mục I của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 01/2009/LMHN/HĐTDDH ngày 16/03/2009, Phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ

ngày 30/11/2012, Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 24/12/2014 nên Ngân hàng N (Bank) đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Li phải thanh toán trả cho Ngân hàng N (Bank) số tiền nợ gốc **126.847.770.746** đồng(*Một trăm hai mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng)* là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 290, Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi trong hạn của Ngân hàng N (Bank) Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi trong hạn: Được thể hiện qua sự thỏa thuận hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ. Cụ thể:

1.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 10/09/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng; Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 10.973.800.855 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 1.885,327,169 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 12.859.128.024 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

2.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/09/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng; Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 12.859.128.024 đồng;Số tiền nhận nợ lần này: 261.724,659 đồng;Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 13.120.852.638 đồng.Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

3.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/09/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng; Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 13.120.852.683 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 1.029,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 14.149.852.683 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

4. Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 15/10/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 14.149.852.683 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 1.428,400,696 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 15.578.253.379 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

5. Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/10/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng; Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 15.578.253.379 đồng;Số tiền nhận nợ lần này: 1.402,051,562 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 16.986.304.941 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

6.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/10/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ:

16.986.304.941 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 339,402,545 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 17.319.707.486 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 10,5%/năm, lãi suất quá hạn: 15,75%/ năm.

7.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 09/12/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: : 17.319.707.486 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 1.008,448,022 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 18.328.155.508 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

8.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 30/12/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 18.328.155.508 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 4,109,117,175 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 22,437, 272,683 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

9.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 08/01/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 22,437, 272,683 đồng;Số tiền nhận nợ lần này: 3,723,629,175 đồng.

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 26.160.901.858 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

10.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 18/01/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 26.160.901.858 đồng; Số tiền nhận nợ lần này: 3,023,310,440 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 29.184.212.298 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 20/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

11.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 08/02/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng; Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 29.184.212.298 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 1,000,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 30.184.212.298 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18 %/ năm.

12.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 09/02/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 30.184.212.298 đồng,Số tiền nhận nợ lần này: 5,250,312,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 35,434,524,298 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

13.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 25/02/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ:

35,434,524,298 đồng;Số tiền nhận nợ lần này: 3,000,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 38,434,524,298 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

14.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 09/03/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 38,434,524,298 đồng;Số tiền nhận nợ lần này: 3,529,182,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 41,963,706,293 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

15.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 18/03/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng;Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 41,963,706,293 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 4,337,378,900 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 46,301,085,198 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn: 18%/ năm.

16.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 26/03/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 46,301,085,198 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 9,69,233,132 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 47,270,318,321 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

17.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 26/03/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 47,270,318,321 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 634,167,797 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 47,904,486,118 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

18.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 30/03/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 47,904,486,118 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 6,444,311,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 54,348,979,118 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

19.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 31/05/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 62,605,735,772 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 6,797,907,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 69,403,642,772 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14%/năm, lãi suất quá hạn: 21,0%/ năm.

20.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 24/06/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 69,403,642,772 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 3,124,986,000 đồng.Tổng dư nợ sau

lần nhận nợ: 72,528,628,772 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

21.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/06/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 72,528,628,772 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 2,253,084,090 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 74,781,712,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

22.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 30/06/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng. Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 74,781,712,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 2,500,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 77,281,712,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

23.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 20/07/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 77,281,712,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 3.500.000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 80,781,712,826 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

24.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 27/07/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 84,781,712,826 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 2,192,258,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 86,973,970,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

25.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 09/08/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 82,973,970,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 4,000,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 86,973,970,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 13,99%/năm, lãi suất quá hạn: 20,985%/ năm.

26.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 23/08/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 90,973,970, 862 đồng. Số tiền nhận nợ lần này: 2,500,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 93,473,970,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

27.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 23/08/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 86,973,970,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 4.000.000.000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 90.973.970.562 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất

15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

28.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 14/09/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồngDư nợ đến trước ngày nhận nợ: 93,473,970,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 2,346,517,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 95,720,487,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

29.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 21/09/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 95,720,487,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 1,500,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 97,220,478,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

30.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 21/09/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 97,220,478,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 232,873,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 97,453,360,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

31.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 27/09/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: : 97,453,360,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 3,715,769,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 101,169,156,862 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

32.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 28/09/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 101,169,156,862 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 3,261,493,013 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 104,430,649,875 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

33.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 05/10/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 104,430,649,875 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 4.000.000.000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 108,430,649,875 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

34.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 10/09/2009

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 108,430,649,875 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 244,207,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 108,674,856,875 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

35.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 21/10/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 108,674,856,875 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 201,507,467 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 108,876,364,351 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

36.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 22/10/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 108,876,364,351 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 225,104,961 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 109,101,469,312 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 15%/năm, lãi suất quá hạn: 22,5%/ năm.

37.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 15/10/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 109,101,469,312 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 7,624,626,600 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 116,726,095,912 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14,7%/năm, lãi suất quá hạn: 22,05%/ năm.

38.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 09/12/2010

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 116,726,095,912 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 3,952,909,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 120,679,004,912 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14,7%/năm, lãi suất quá hạn: 22,05%/ năm.

39.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 10/01/2011

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 129,196,664,912 đồng,Số tiền nhận nợ lần này: 4,485,472,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 133,682,136,912 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14,7%/năm, lãi suất quá hạn: 22,05%/ năm.

40.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 27/01/2011

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 129,423,306,912 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 5,000,000,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 134,423,306,912 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14,7%/năm, lãi suất quá hạn: 22,05%/ năm.

41.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 29/01/2011

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 134,423,306,912 đồng. Số tiền nhận nợ lần này: 5,140,870,000 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 139,564,176,912 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 14,7%/năm, lãi suất quá hạn: 22,05%/ năm.

42.Giấy nhận nợ ngày ký và giải ngân 07/04/2011

Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.Dư nợ đến trước ngày nhận nợ: 139,564,176,912 đồng.Số tiền nhận nợ lần này: 5,627,794,057 đồng.Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 145,191,970,969 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng: 24/2/2020. Lãi suất 17,5%/năm, lãi suất quá hạn: 26,25%/ năm.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, Công ty Li không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Cụ thể, theo bảng kê chi tiết nghĩa vụ tín dụng của Ngân hàng,

Số tiền lãi Công ty Li đã trả : 47.314.390.387 đồng .Do vậy, trong hạn Công ty Li phải trả là: **139.900.552.059 đồng**

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5.1 của Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và các văn bản để áp dụng việc tính lãi nêu trên do Ngân hàng xuất trình, thấy việc tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo đúng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật về tính lãi suất. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Điều 1Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định 1627QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 được sửa đổi, bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên việc Ngân hàng N (Bank) và Công ty Li thỏa thuận về lãi suất vay trong hợp đồng hạn mức tín dụng và các giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Pháp luật.

Tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện giảm bớt khó khăn cho khách hàng, khuyến khích khách hàng trả nợ, Bank Chi nhánh LH áp dụng điều chỉnh lãi suất cho Công ty Li. Lãi suất được điều chỉnh như sau: Lãi xuất trong hạn: 4,86%/ năm.Thời gian áp dụng: kể từ ngày giải ngân đối với thời gian chưa thu lãi của từng khoản vay đến ngày tất toán.

Việc Ngân hàng áp dụng điều chỉnh lãi suất cho Công ty Li không trái đạo đức, đúng quy định của pháp luật, có lợi cho Công ty Li nên được chấp nhận.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Li thanh toán số tiền lãi trong hạn là **63.498.682.743 đồng** (*sáu mươi ba tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng*)(bản kê chi tiết kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc Công ty Li có nghĩa vụ thực hiện.

[2.4]. Đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi quá hạn: theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/205 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 13 Quyết định 1627QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về việc ban hành Quy chế cho vay của các tổ

chức tín dụng, được hướng dẫn tại Phần 1.3 Mục 1 Văn bản số 1335/2010 của Ngân hàng Nhà nước về phạt chậm trả đối với nợ quá hạn thì: *"Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do các tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng".* Như vậy, tại điều 5.2 tại hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn bằng 110% lãi suất vay là phù hợp. Kể từ thời điểm đến hạn thanh toán nợ gốc quy định trong các khế ước nhận nợ, Công ty Li không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và sau khi được Ngân hàng cơ cấu lại thời gian trả nợ, Công ty Li vẫn tiếp tục vi phạm thời hạn thanh toán vì vậy Công ty Li phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất bằng 110% lãi suất vay đã được điều chỉnh.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, Công ty Li vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Cụ thể, tổng số tiền lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 5,435,123,320 đồng cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện giảm bớt khó khăn cho khách hàng, khuyến khích khách hàng trả nợ, Bank Chi nhánh LH áp dụng điều chỉnh lãi suất cho Công ty Li. Lãi suất được điều chỉnh như sau: Lãi xuất quá hạn: 0%/ năm. Thời gian áp dụng: kể từ ngày giải ngân đối với thời gian chưa thu lãi của từng khoản vay đến ngày tất toán.

Việc Ngân hàng áp dụng điều chỉnh lãi suất quá hạn là 0% cho Công ty Li không trái đạo đức, đúng quy định của pháp luật, có lợi cho Công ty Li nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N (Bank) buộc Việc Ngân hàng áp dụng điều chỉnh lãi suất cho Công ty Li không trái đạo đức, đúng quy định của pháp luật, có lợi cho Công ty Li nên được chấp nhận thanh toán số tiền nợ gốc, dư nợ lãi số tiền , theo Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nêu trên tính đến ngày 03/08/2022 số tiền như sau: : Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng, Nợ lãi trong hạn: 63.498.682.743 .Nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộnglà: **190.346.453.489 đồng(** *một trăn chín mươi tỉ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*)

[2.6] Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Li không thanh toán trả cho Ngân hàng N (Bank) nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng N (Bank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tài sản đảm bảo cho khoản vay nợ là toàn bộ khu văn phòng và khu dịch vụ trung tâm thương mại từ tầng 01 đến tầng 03 của tòa nhà 27 tầng, phần liên kết giữa hai tòa nhà , từ tầng 01 đến tầng 05 của tòa nhà 18 tầng, địa chỉ: Số 52, đường LN, phường MĐ, Hà Nội thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Li theo hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai số công chứng 1020/2012, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐTC được công chứng tại phòng

công chứng Bảo Minh, TP. Hà Nội ngày 11/9/2012. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hà Nội- ngày 25/06/2013.

Khi người có tài sản thế chấp đã thừa nhận có dùng các tài sản trên để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Li và việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hợp đồng thế chấp trên đều được lập tại Văn phòng xác nhận thế chấp tại theo hợp đồng thế chấp số hợp đồng thế chấp tài sản đượch hình thành trong tương lai số công chứng 1020/2012, quyển số 10TP/CC-SCC/HĐTC được công chứng tại phòng công chứng Bảo Minh, TP. Hà Nội ngày 11/9/2012. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hà Nội- ngày 25/06/2013 theo đúng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm", Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết theo đúng thủ tục, trình tự quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà Công ty Li vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.7] Xét yêu cầu về nghĩa vụ chịu lãi đối với khoản nợ gốc chậm thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, theo lãi suất cho vay đã được điều chỉnh: Lãi suất trong hạn: 4,86%/năm, Lãi suất quá hạn: 0%/năm , Hội đồng xét xử thấy cần buộc Công ty Li phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà ngân hàng đã điều chỉnh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng N. Cụ thể: Lãi suất trong hạn: 4,86%/năm, Lãi suất quá hạn: 0%/năm. Do lãi suất các bên tự thỏa thuận, không trái đạo đức, đúng quy định của pháp luật , có lợi cho công ty CP Li nên được ghi nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Bị đơn là Công ty Li phải chịu án kinh doanh thương mại sơ thẩm là theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và mục 3 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39*; Điều* 144; Điều 147*;* Điều 184; Khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 319 Luật thương mại.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ vào Điều 157; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322,Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 579; Điều 580; Điều 581 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào mục 3 phần I thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử thi hành án về tài sản.

Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm".

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, luật thi hành án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (Bank) đối với Công ty Li.

2. Xác Công ty Li còn nợ Ngân hàng N. số tiền như sau: Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng, Nợ lãi trong hạn: 63.498.682.743 .Nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộnglà: **190.346.453.489 đồng(** *một trăn chín mươi tỉ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*)

Công ty Li phải thanh toán trả cho Ngân hàng N tổng số tiền Nợ gốc: 126.847.770.746 đồng, Nợ lãi trong hạn: 63.498.682.743 .Nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Tổng cộnglà: **190.346.453.489 đồng(** *một trăn chín mươi tỉ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*)và tiếp tục tính lãi đến ngày thanh toán hết nợ.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Công ty Li chưa trả số nợ nói trên thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông Thôn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp bảo đảm, để thu hồi nợ, gồm:

Toàn bộ quyền sở hữu và sử dụng của khu văn phòng và khu dịch vụ trung tâm thương mại từ tầng 01 đến tầng 03 của tòa nhà 27 tầng, phần liên kết giữa hai tòa nhà , từ tầng 01 đến tầng 05 của tòa nhà 18 tầng, địa chỉ: Số 52, đường LN, phường MĐ, Hà Nội thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty Li theo hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai số công chứng 1020/2012,

quyển số 10TP/CC-SCC/HĐTC được công chứng tại phòng công chứng Bảo Minh, TP. Hà Nội ngày 11/9/2012. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hà Nội- ngày 25/06/2013.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N (Bank) thì Ngân hàng N (Bank) thông qua Bank Chi nhánh LH có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Li, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, Trong bất cứ trường hợp nào, Công ty Li vẫn phải tiếp tục thực hiện trả nợ gốc, lãi cho đến khi tất toán khoản vay.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Li phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà ngân hàng đã điều chỉnh(lãi suất trong hạn: 4,68%, lãi suất quá hạn là:0%) kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông Thôn.

Tr- ờng hợp bản án quyết định đ- ợc thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì ng- ời thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- - ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Công ty Li phải chịu 298.346.453 đ(*hai trăm chín mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ch- a nộp).

- Hoàn trả ***:*** Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 224,000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005649 ngày 02/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt ông Phạm Văn H1 là đại diện ủy quyền Ngân hàng N, có mặt ông Phạm Xuân H2 đại diện theo pháp luật của Công ty Li.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
-Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

Quách Mạnh Thành